TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG
Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2024.
“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn”CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phước Cường, ông Lê Thanh Hảo.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.
Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2024/QĐST-HN ngày 09/9/2024 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cúc H, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ D, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.
Bị đơn: Ông Nguyễn Thiện T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ D, ấp C, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang.
Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.
NỘI DUNG VỤ ÁN
Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cúc H trình bày:
Vào năm 2017 bà H và ông T do mai mối, tự tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường xã V, giấy chứng nhận kết hôn số 35 cấp ngày 21/7/2017. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, ông T bỏ đi làm ăn, không lo đến vợ, con. Cả hai ly thân từ năm 2021 đến nay, nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn. Nay bà H được yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: Bà H khai, trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/12/2017, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/12/2017. Yêu cầu ông T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.
Về tài sản chung - nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.
Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng.
Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hứ hai nhưng vắng mặt.
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:
Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy

đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bị đơn ông T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng để hòa giải hàn gắn tình cảm, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đở, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, cả hai xảy ra mâu thuẫn, hiện không còn sống chung, tình cảm không còn, suốt thời gian xảy ra mâu thuẫn, cả hai cũng không thể chủ động hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án ông T không tham gia hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/12/2017, hiện đang sống cùng bà H, để đảm bảo ổn định cuộc sống con chung việc tiếp tục giao con chung cho bà H nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng. Xét, theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "cha mẹ không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Tuy nhiên, về mức cấp dưỡng nuôi con theo bà H 2.000.000 đồng/tháng nhưng bà không cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế ông T cũng như nhu cầu thiết yếu của con chung nên xét chấp nhận bằng ½ mức lương cơ bản tại thời điểm xét xử (1/2 x 2.340.000 đồng) là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Cúc H được ly hôn với ông Nguyễn Thiện T; về con chung: bà H được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằn ½ mức lương cơ bản (1/2 x 2.340.000 đồng), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Nguyên đơn bà H có yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng bị đơn, ông T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị Cúc H và ông Nguyễn Thiện T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 35 cấp ngày 21/7/2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau….". Tuy nhiên, bà H trình bày do mâu thuẫn ông T bỏ mặc không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vả, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2021 đến nay, nên khởi kiện ly hôn. Tòa án đã mở phiên họp hòa giải nhưng ông T

không có mặt, từ đó nhận thấy không có thiện chí hàn gắn, níu kéo lại tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc cả hai mạnh ai nấy sống. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
[4] Về con chung: Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/12/2017, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Xét thấy đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu và điều kiện thuận lợi cho cháu phát triển nên việc giao cháu Nguyễn Đức A cho bà H nuôi dạy là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.
[5] Xét về về cấp dưỡng:
Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con...;
Đối chiếu với quy định nêu trên, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, ông T không cung cấp ý kiến về việc cấp dưỡng, bà H không cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế ông T cũng như nhu cầu thiết yếu của con chung nên xét chấp nhận bằng ½ mức lương cơ bản tại thời điểm xét xử (1/2 x 2.340.000 đồng) = 1.170.000 đồng/tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng cho con chung từ ngày tuyên án cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.
[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.
[7] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, bà Nguyễn Thị Cúc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003418 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, bà H đã nộp đủ án phí.
Ông Nguyễn Thiện T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.
Vì các lẽ trên,
QUYẾT ĐỊNH:
Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cúc H.
[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cúc H được ly hôn Nguyễn Thiện T.
[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cúc H được tiếp tục nuôi dạy con chung Nguyễn Đức A, sinh ngày 19/12/2017. Ông Nguyễn Thiện T cấp dưỡng nuôi con chung 1.170.000 đồng/tháng/con chung. Thời gian cấp dưỡng cho con chung từ ngày tuyên án cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.
Bà Nguyễn Thị Cúc H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thiện T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.
Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cúc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003418 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thiện T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của của bà Nguyễn Thị Cúc H và ông Nguyễn Thiện T là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức